

Số: 506 /BC-STC

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Tổng hợp tình hình giá cả thị trường
tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo giá thị trường.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ TRONG KỲ:

Tình hình giá cả thị trường trên địa bàn thành phố Tuyên Quang tháng 10/2023: Giá lương thực ổn định so với tháng 9/2023; Giá thực phẩm giảm so với tháng 9/2023; Giá xăng, dầu Diezen, dầu hỏa, gas Petrolimex, giá vàng, (biến động tăng, giảm) so với tháng 9/2023.

II. NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN CHỦ YẾU:

Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả kiểm tra giá vật liệu xây dựng (đá xây dựng) tại một số đơn vị, tổ chức kinh tế có kinh doanh và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn, định mức: xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Dự thảo Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá ngày công lao động, giá vật tư, cây giống, chi phí vận chuyển một số loài cây giống lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2023-2025; Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường tỉnh (ĐT.185, ĐT.188) trên địa bàn các huyện: Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình năm 2023; Thẩm định đơn giá dịch vụ sự nghiệp công: Quét, gom rác đường phố, vệ sinh ngõ xóm; Tưới nước rửa đường; Chăm sóc cây xanh, bồn hoa nơi công cộng; Quản lý, duy trì hệ thống điện chiếu sáng đô thị; Trông coi, quản lý nghĩa trang; Duy tu, vận hành hệ thống thoát nước tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2023; Thẩm định kết quả tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp điều phối trong 08 dự án của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông và thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp điều phối trong dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) do Ban Quản lý dự án được giao nhiệm vụ làm

chủ đầu tư và nhận quản lý dự án; Thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã Đội Bình, huyện Yên Sơn và xã Cấp Tiến, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo kết quả tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã Đội Bình, huyện Yên Sơn và xã Cấp Tiến, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải Tiến Đạt;

Kết quả tình hình thực hiện rà soát việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức ở các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 111/TB-UBND ngày 17/9/2023 tại Báo cáo số 441/BC-STC ngày 28/9/2023; Kết quả khảo sát, rà soát và thống nhất đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh hệ số điều chỉnh giá đất tại vị trí thực hiện dự án Khu nhà ở Hưng Thành tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang (Lô TMDV) tại Báo cáo số 449/BC-STC ngày 03/10/2023; Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm Lô TMDV thuộc Dự án Khu nhà ở Hưng Thành tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang tại Báo cáo số 459/BC-STC ngày 06/10/2023; Về hệ số điều chỉnh giá đất tại vị trí thực hiện dự án Khu nhà ở Hưng Thành tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang (Lô TMDV) tại Tờ trình số 354/TTr-STC ngày 11/10/2023; Về xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm Lô TMDV thuộc Dự án Khu nhà ở Hưng Thành tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang tại Tờ trình số 356/TTr-STC ngày 12/10/2023; Tham gia ý kiến với các ngành: Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Tuyên Quang, đợt 3 năm 2023, kèm theo Công văn số 2167/STNMT-KS ngày 16/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Bộ đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo, Thẩm định thành lập Cụm công nghiệp Tam Đa và Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Dự thảo Thông tư quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia tại Công văn số 2602/STC-QLGCS&TCDN ngày 08/10/2023; Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2601/STC-QLGCS&TCDN ngày 08/10/2023; Dự thảo Quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm Lô TMDV thuộc Dự án Khu nhà ở Hưng Thành tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang.

III. DIỄN BIẾN MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU:

1. Lương thực: Giá lương thực ổn định so với tháng 9/2023 cụ thể như: Thóc tẻ loại thường giá: 10.000đồng/kg, gạo tẻ loại thường giá: 16.000đồng/kg gạo tẻ loại ngon giá: 18.000đồng/kg; gạo tẻ tám thơm giá: 19.000đồng/kg, gạo nếp loại ngon giá: 30.000đồng/kg.

2. Thực phẩm: Giá thực phẩm giảm so với tháng 9/2023, cụ thể như: Thịt lợn mông sấn giá: 95.000đồng/kg (giảm 15.000đồng/kg), thịt lợn nạc thăn giá: 100.000đồng/kg (giảm 15.000đồng/kg), giá thịt lợn hơi loại 80kg/con trở

lên dao động từ 60.000đồng/kg đến 62.000đồng/kg (giảm 3.000đồng/kg); Thịt bò thăn (loại I) giá: 250.000đồng/kg; Cá chép loại 1,5kg/con 120.000đồng/kg; Gà mái ta còn sống loại 1,5 kg trở lên giá 130.000đồng/kg; muối 5.000đồng/kg, đường trắng tinh luyện Tuyên Quang giá 23.000đồng/kg; bột ngọt Ajinomoto (loại 1kg) 62.000đồng/kg; bột canh Iốt Hải Châu: 4.500đồng/gói; rau muống, rau ngót, rau đay, mồng toi: 5.000đồng/mớ, đỗ đũa: 15.000đồng/kg, rau cải: 15.000đồng/kg, bí xanh, bí đỏ: 12.000đồng/kg, cà chua 15.000đồng/kg (giảm 5.000đồng/kg).

3. Thuốc chữa bệnh:

Thuốc chữa bệnh thông thường tương đối ổn định so với tháng 9/2023 cụ thể như: thuốc cảm xuyên hương (Yên Bái sản xuất) giá 60.000 đồng/loại/100viên; Amoxilin 500 mg (1vi 10 viên dạng con nhộng) Công ty Dược phẩm TW1 sản xuất giá 10.000 đồng/vi; Homtamin không sâm (vi 5 viên) liên doanh Việt Nam-Hàn Quốc giá 8.000 đồng/vi 5 viên.

4. Giá xăng dầu, gas:

Giá xăng, dầu Diezen, dầu hỏa, (biến động tăng, giảm) so với tháng 9/2023 (giá xăng cụ thể như phụ lục số 01 kèm theo); giá gas Petrolimex 430.000 đồng/bình tăng 55.000đồng/bình so với tháng 9/2023.

5. Giá Vàng:

Giá vàng tăng so với tháng 9/2023 cụ thể như: Giá vàng 99,99% Au (loại nhẫn tròn) bán ra bình quân tháng 10/2023 tại cửa hàng tư nhân kinh doanh vàng bạc tại thành phố Tuyên Quang dao động từ 5.800.000đồng/chỉ đến 5.815.000 đồng/chỉ (tăng 250.000đồng/chỉ).

(Có phụ lục giá thị trường tháng 10/2023 kèm theo).

Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- Tỉnh uỷ, UBND tỉnh; (báo cáo)
- Lãnh đạo Sở TC;
- Kho Bạc Nhà nước T.Quang;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố;
- Các phòng thuộc Sở TC;
- Bộ phận giúp việc BCĐ 389 (Cục QLTT);
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLGCS&TC DN (P).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Khánh



BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 11 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 506/KBC-STC ngày 04/11/2023 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
1	1	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM							
1	10.001	Gạo tẻ thường		đồng/kg	16.000	16.000		100	
2	10.002	Gạo tẻ ngon		đồng/kg	18.000	18.000		100	
3	10.006	Thịt lợn hơi		đồng/kg	65.000	62.000	Giảm 3.000	95	
4	10.007	Thịt lợn nạc thân		đồng/kg	115.000	100.000	Giảm 15.000	87	
5	10.008	Thịt lợn mỡ sấn		đồng/kg	105.000	95.000	Giảm 10.000	90	
6	10.009	Thịt bò thân	Loại 1	đồng/kg	250.000	250.000		100	
7	10.010	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/ cái	đồng/kg	200.000	200.000		100	
8	10.011	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con	đồng/kg	130.000	130.000		100	
9	10.012	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5- 2kg /1 con	đồng/kg	60.000	60.000		100	
10	10.013	Giò lụa	Loại 1 kg	đồng/kg	160.000	160.000		100	
11	10.014	Cá chép	Loại 2 con/1 kg	đồng/kg	120.000	125.000		104	
12	10.015	Rau muống, rau ngót	Loại ngon	đồng/mớ	5.000	5.000		100	
14	10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đồng/kg	15.000	15.000	Giảm 5.000	100	
15	10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đồng/kg	5.000	5.000		100	
16	10.018	Dầu ăn Neptune	Chai 01 lít	đồng/lít	55.000	55.000		100	
17	10.019	Đường trắng Tuyên Quang	Gói 01 kg	đồng/kg	23.000	23.000		100	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
18	10.020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Similac 0-6 tháng	đồng/kg	160.000	160.000		100	
II	2	ĐỒ UỐNG							
18	20.001	Nước khoáng	Nước khoáng Mỹ Lâm Tuyên Quang, loại chai nhựa 500ml	đồng/chai	3.000	3.000		100	
19	20.002	Rượu vang nội	Vang Thăng Long, chai 750ml	đồng/chai	80.000	80.000		100	
20	20.003	Nước giải khát có ga	Coca-cola thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	210.000	210.000		100	
21	20.004	Bia lon	Bia Hà Nội, thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	220.000	220.000		100	
III	3	CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT, VẮN PHÒNG PHẨM							
24	30.001	Gas đun	Gas hóa lỏng Petrolimex loại 12kg/bình (không kể tiền bình)	đồng/kg	375.000	430.000	Tăng 55.000	115	
25	30.002	Nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư tại khu đô thị thành phố Tuyên Quang	Xí nghiệp cấp nước thành phố Tuyên Quang	đồng/m ³	6.400	6.400		100	Trung bình 10m ³ đầu tiên
26	30.003	Giấy A4	Loại 9070 BB2K, KT: (210x297)mm, định lượng 70g/m ² , độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	63.000	63.000		100	
27	30.004	Giấy A3	Loại 9070 BB2K, KT: (420x300)mm, định lượng 70g/m ² , độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	115.000	115.000		100	
VI	4	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI							
28	40.001	Thuốc cầm xuyên hương	(Yên Bái sản xuất), lọ 100 viên	đồng/lọ	60.000	60.000		100	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
29	40.002	Amocinlin viên con nhộng	(định lượng 500mg) XN Dược phẩm Trung ương II	đồng/viên	1.000	1.000		100	
30	40.003	Hom tamin không sâm	(vi 5 viên) LD Việt Nam-Hàn Quốc	đồng/vi	8.000	8.000		100	
V	5	GIAO THÔNG							
31	50.001	Trông giữ xe máy	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	2.000	2.000		100	
32	50.002	Trông giữ ô tô	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	10.000	10.000		100	
33	50.003	Giá cước xe ô tô khách đi đường dài	Xe đường dài máy lạnh (Tuyên Quang - Hà Nội, hãng xe: Bảo Yên, Cường An)	đồng/vé	120.000	120.000		100	
34	50.005	Xăng sinh học E5 RON 92-II		đ/lít	23.790	22.800	Giảm 990	96	
35	50.006	Xăng không chì RON 95-III		đ/lít	25.090	23.890	Giảm 1.200	95	
36	50.007	Dầu Diezen 0,05S-II	Căn cứ Quyết định số 341/PLXTQ-QĐ-KD, ngày 23/10/2023 của Công ty Xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH một thành viên	đ/lít	22.790	22.920	Tăng 130	101	Từ 15 giờ ngày 23/10/2023
37	50.008	Dầu Diezen 0,001S-IV		đ/lít	23.330	24.010	Tăng 680	103	
38	50.009	Dầu hỏa 2-K		đ/lít	22.740	23.200	Tăng 460	102	
VI	6	GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH							
39	60.001	Phòng khách sạn 3 sao	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi (Khách sạn Mường Thanh Tuyên Quang)	đồng/ngày-đêm	850.000	850.000		100	
VII	7	VÀNG, ĐÔ LA MỸ							

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
40	70.001	Vàng 9999	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 đ/chỉ	5.550.000	5.800.000	Tăng 250.000	105	
41	70.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đồng/USD	24.000	24.000		100	

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định.